

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

**KHOA LUẬT**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  
**CÔNG PHÁP QUỐC TẾ**

**(LƯU HÀNH NỘI BỘ)**

**CẦN THƠ – 2018**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**  
**KHOA LUẬT**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC**  
**CÔNG PHÁP QUỐC TẾ**

**1. THÔNG TIN VỀ MÔN HỌC**

- **Tên môn học:** Công pháp quốc tế
- **Đối tượng áp dụng:** + Ngành Luật Kinh tế  
+ Bachelor: Đại học  
+ Hệ Chính quy
- **Số tín chỉ:** 02;      **Số tiết:** 30 tiết
- **Giảng viên phụ trách:** Bộ môn Luật Kinh tế
- **Địa chỉ Khoa Luật:** Phòng C02- Khu Hiệu Bộ - Số 168 – Đường Nguyễn Văn Cừ (nổi dài) – Quận Ninh Kiều – Cần Thơ

**2. MỤC TIÊU CHUNG CỦA MÔN HỌC**

Sau khi học xong môn học Công pháp quốc tế, sinh viên đạt được các kết quả sau đây:

**2.1. Về kiến thức**

- Nêu và phân tích được những vấn đề lý luận chung về hệ thống luật quốc tế như khái niệm, đặc điểm, lịch sử hình thành và phát triển, nguồn của luật quốc tế và mối quan hệ giữa các loại nguồn;
- Nêu và phân tích được cơ sở, tính chất và nội dung của mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia;
- Trình bày được nội dung và thực tiễn thực hiện các nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế;
- Nêu và phân tích được những vấn đề pháp lý liên quan đến quốc gia như khái niệm, các yếu tố cấu thành, vấn đề công nhận quốc gia, chính phủ mới và hệ quả pháp lý, vấn đề kế thừa quốc gia và các nguyên tắc giải quyết kế thừa cho những trường hợp kế thừa cụ thể;

- Xác định được các vấn đề pháp lý liên quan đến quốc tịch và dân cư trong quan hệ quốc tế như chế độ pháp lý của người nước ngoài, cư trú chính trị, bảo hộ công dân;

- Nêu được khái niệm, các bộ phận cấu thành, tính chất chủ quyền của quốc gia đối với từng vùng lãnh thổ;

- Phân tích được khái niệm và quy chế pháp lý các vùng biển thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền quốc gia và các vùng biển nằm ngoài quyền tài phán quốc gia;

- Phân tích được những vấn đề pháp lý cơ bản về cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và phái đoàn đại diện thường trực của quốc gia tại các tổ chức quốc tế.

## **2.2. Về kỹ năng**

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và giải thích hiện tượng nhà nước trong thực tế;

- Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các vấn đề pháp lý cụ thể của hệ thống pháp luật quốc tế;

- Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề của hệ thống luật quốc tế;

- Kỹ năng phân tích và lập luận; có tư duy phản biện; có khả năng đánh giá và xây dựng lập luận để giải quyết tình huống cụ thể của luật quốc tế;

- Có khả năng tranh luận, hùng biện; có kỹ năng thuyết trình, diễn thuyết trước công chúng;

- Có khả năng đánh giá được chất lượng công việc và kết quả đạt được của các thành viên trong nhóm.

- Có khả năng tự cập nhật kiến thức và có khả năng tự nghiên cứu.

## **2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm**

- Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm;

- Hướng dẫn, giám sát các chủ thể khác thực hiện các nhiệm vụ xác định trong hoạt động nghề nghiệp;

- Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ quan điểm cá nhân;

- Lập kế hoạch, điều phối và quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

## 2.4. Về thái độ

- Hình thành sự chủ động trong nghiên cứu, bổ sung và củng cố trình độ nhận thức về các vấn đề quốc tế trong bối cảnh hội nhập;

- Chủ động vận dụng các kiến thức đã học trong phân tích và giải quyết các vấn đề pháp lý của hệ thống luật quốc tế;

- Hình thành tính chủ động, tự tin, bản lĩnh cho sinh viên;

## 3. MỤC TIÊU NHẬN THỨC CHI TIẾT

<i>Vấn đề/bậc nhận thức</i>	<i>Bậc 1</i>	<i>Bậc 2</i>	<i>Bậc 3</i>
<i>Vấn đề 1:</i> Lý luận chung về luật quốc tế	<p><b>1A1.</b> Nêu được khái niệm luật quốc tế.</p> <p><b>1A2.</b> Nêu được đặc trưng của luật quốc tế.</p> <p><b>1A3.</b> Nêu được lịch sử hình thành và phát triển của luật quốc tế.</p> <p><b>1A4.</b> Trình bày được các học thuyết về mối quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia.</p> <p><b>1A5.</b> Nêu được cơ sở pháp lý và nội dung của một số nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế.</p>	<p><b>1B1.</b> Phân tích được nội dung các đặc trưng của luật quốc tế.</p> <p><b>1B2.</b> Phân tích để thấy được sự phát triển vượt bậc của luật quốc tế hiện đại so với luật quốc tế trong các giai đoạn trước đó.</p> <p><b>1B3.</b> Chỉ ra được sự khác biệt giữa các loại quy phạm pháp luật quốc tế cũng như giữa quy phạm pháp luật quốc tế và quy phạm chính trị.</p> <p><b>1B4.</b> Phân tích được cơ sở, tính chất và nội dung của mối quan hệ giữa luật quốc tế và</p>	<p><b>1C1.</b> Bình luận được về sự khác biệt giữa luật quốc tế và luật quốc gia.</p> <p><b>1C2.</b> Bình luận về sự tồn tại của luật quốc tế và vai trò của luật quốc tế.</p> <p><b>1C3.</b> Đánh giá được vai trò của quốc gia trong hệ thống pháp luật quốc tế.</p> <p><b>1C4.</b> Đánh giá được những tác động của luật quốc tế đối với quá trình hoàn thiện và phát triển của hệ thống pháp luật Việt Nam.</p>

		luật quốc gia.	
<b>Vấn đề 2:</b> Nguồn của luật quốc tế	<p><b>2A1.</b> Nêu được khái niệm nguồn của luật quốc tế và phân loại nguồn của luật quốc tế.</p> <p><b>2A2.</b> Nêu được định nghĩa, đặc điểm và phân loại điều ước quốc tế.</p> <p><b>2A3.</b> Nêu được các hành vi kí kết điều ước quốc tế.</p> <p><b>2A4.</b> Nêu được điều kiện có hiệu lực, hiệu lực theo không gian, thời gian của điều ước quốc tế.</p> <p><b>2A5.</b> Nêu được định nghĩa và các yếu tố cấu thành tập quán quốc tế.</p> <p><b>2A6.</b> Nêu đầy đủ nội dung của mối quan hệ giữa điều ước quốc tế và tập quán quốc tế.</p> <p><b>2A7.</b> Nêu được phương tiện hỗ trợ nguồn của luật quốc tế.</p>	<p><b>2B1.</b> So sánh được hệ thống nguồn của luật quốc tế và luật quốc gia.</p> <p><b>2B2.</b> Phân tích được đặc điểm của điều ước quốc tế và phân biệt điều ước quốc tế và các hình thức thoả thuận quốc tế khác.</p> <p><b>2B3.</b> Phân tích được nội dung, ý nghĩa của các hành vi kí kết đối với quá trình hình thành và phát sinh hiệu lực của điều ước quốc tế.</p> <p><b>2B4.</b> Phân tích được hệ quả pháp lí khi điều ước quốc tế vi phạm các điều kiện có hiệu lực.</p> <p><b>2B5.</b> Phân tích được các cách thức hình thành tập quán quốc tế.</p> <p><b>2B6.</b> Phân tích được các nội dung của mối quan hệ điều ước quốc tế - tập quán quốc tế. Cho ví dụ .</p> <p><b>2B7.</b> Phân tích được vai trò của các phương tiện hỗ trợ nguồn đối với quá trình hình thành và</p>	<p><b>2C1.</b> Bình luận được vai trò của điều ước quốc tế trong quá trình điều chỉnh quan hệ quốc tế.</p> <p><b>2C2.</b> Bình luận được những trường hợp điều ước có hiệu lực đối với bên thứ ba trong mối quan hệ với bản chất của luật quốc tế.</p> <p><b>2C3.</b> Bình luận được vị trí của điều ước quốc tế trong hệ thống pháp luật Việt Nam.</p> <p><b>2C4.</b> Đưa ra được quan điểm cá nhân về vai trò của tập quán quốc tế trong quá trình điều chỉnh quan hệ quốc tế.</p> <p><b>2C5.</b> Đánh giá được xu hướng phát triển của điều ước quốc tế và tập quán quốc tế.</p> <p><b>2C6.</b> Đánh giá được vai trò của các phương tiện hỗ trợ nguồn trong xu thế hội nhập.</p>

		viện dẫn áp dụng điều ước quốc tế, tập quán quốc tế.	
<b>Vấn đề 3:</b> Chủ thể của luật quốc tế	<p><b>3A1.</b> Nêu được khái niệm chủ thể của luật quốc tế.</p> <p><b>3A2.</b> Nêu được 4 yếu tố cấu thành và thuộc tính chính trị pháp lí của quốc gia - chủ thể cơ bản của luật quốc tế.</p> <p><b>3A3.</b> Trình bày được định nghĩa, thể loại, hình thức và phương pháp công nhận quốc tế.</p> <p><b>3A4.</b> Trình bày được định nghĩa và các trường hợp kế thừa quốc gia trong quan hệ quốc tế.</p> <p><b>3A5.</b> Nêu được khái niệm dân tộc và nguyên tắc quyền dân tộc tự quyết</p> <p><b>3A6.</b> Nêu được khái niệm tổ chức quốc tế liên chính phủ và quyền năng cơ bản của tổ chức quốc tế liên chính phủ.</p>	<p><b>3B1.</b> Phân tích được quyền và nghĩa vụ quốc tế cơ bản của quốc gia.</p> <p><b>3B2.</b> So sánh được quyền năng chủ thể luật quốc tế của quốc gia với các chủ thể khác như các dân tộc đang đấu tranh giành quyền dân tộc tự quyết, tổ chức quốc tế liên chính phủ</p> <p><b>3B3.</b> Phân tích được khía cạnh chính trị và pháp lí của hành vi công nhận.</p> <p><b>3B4.</b> Phân tích được tính chất, cơ sở phát sinh và cách thức giải quyết trong từng trường hợp kế thừa cụ thể.</p> <p><b>3B5.</b> Phân tích được quyền năng chủ thể và quyền cơ bản của các dân tộc đang đấu tranh giành độc lập.</p> <p><b>3B6.</b> Phân tích được quyền năng cơ bản của</p>	<p><b>3C2.</b> Đánh giá được vai trò của quốc gia trong hệ thống pháp luật quốc tế.</p> <p><b>3C3.</b> Liên hệ được với một số thực tiễn công nhận của Việt Nam.</p> <p><b>3C4.</b> Bình luận được thực tiễn giải quyết quan hệ kế thừa ở Việt Nam.</p>

		tổ chức quốc tế liên chính phủ.	
<b>Vấn đề 4:</b> Lãnh thổ và biên giới quốc gia	<p><b>4A3.</b> Nêu được định nghĩa và phân loại lãnh thổ.</p> <p><b>4A2.</b> Nêu được định nghĩa và các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia.</p> <p><b>4A3.</b> Nêu được 2 phương thức xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ.</p> <p><b>4A4.</b> Nêu được định nghĩa và 4 bộ phận cấu thành biên giới quốc gia.</p> <p><b>4A5.</b> Nêu được các nguyên tắc xác định biên giới quốc gia trên bộ.</p> <p><b>4A6.</b> Nêu được hai trường hợp xác định biên giới quốc gia trên biển.</p> <p><b>4A7.</b> Nêu được cơ sở để hình thành chế</p>	<p><b>4B1.</b> Phân biệt được 3 loại lãnh thổ dựa trên quy chế pháp lí: Lãnh thổ quốc gia, lãnh thổ quốc tế và lãnh thổ quốc gia có quyền chủ quyền.</p> <p><b>4B3.</b> Làm sáng tỏ được sự khác biệt trong việc thực hiện chủ quyền quốc gia đối với các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia.</p> <p><b>4B4.</b> Phân tích được đối tượng và nội dung của 2 phương thức xác lập chủ quyền lãnh thổ của quốc gia.</p> <p><b>4B5.</b> Phân tích được nội dung của chế độ pháp lí biên giới quốc gia.</p> <p><b>4B6.</b> Phân tích được quá trình xác định biên giới quốc gia trên bộ.</p>	<p><b>4C1.</b> Đưa ra được ý kiến cá nhân về ý nghĩa của việc phân loại lãnh thổ.</p> <p><b>4C2.</b> Bình luận được cơ sở của sự khác biệt trong việc thực hiện chủ quyền quốc gia đối với các bộ phận cấu thành lãnh thổ quốc gia.</p> <p><b>4C3.</b> Bình luận được ý nghĩa của biên giới quốc gia.</p> <p><b>4C4.</b> Bình luận được quá trình xác định biên giới trên bộ của Việt Nam.</p> <p><b>4C5.</b> Bình luận được thực tiễn xác định biên giới trên biển của Việt Nam.</p>

	độ pháp lí biên giới quốc gia.	<b>4B7.</b> So sánh được điểm giống và khác nhau giữa biên giới quốc gia trên bộ và biên giới quốc gia trên biển.	
<b>Vấn đề 5:</b> Luật biển quốc tế	<p><b>5A1.</b> Nêu được khái niệm luật biển quốc tế.</p> <p><b>5A2.</b> Nêu được các nguyên tắc của luật biển quốc tế.</p> <p><b>5A3.</b> Nêu được định nghĩa và cách xác định nội thủy.</p> <p><b>5A4.</b> Nêu được định nghĩa và cách xác định lãnh hải.</p> <p><b>5A5.</b> Nêu được định nghĩa và cách xác định vùng tiếp giáp lãnh hải.</p> <p><b>5A6.</b> Nêu được định nghĩa và cách xác định vùng đặc quyền kinh tế.</p> <p><b>5A7.</b> Nêu được định nghĩa và cách xác định thềm lục địa.</p> <p><b>5A8.</b> Nêu và xác định được các vùng</p>	<p><b>5B1.</b> Phân tích được các loại nguồn của luật biển quốc tế.</p> <p><b>5B2.</b> Phân tích được quy chế pháp lí của vùng nội thủy.</p> <p><b>5B3.</b> Phân tích được quy chế pháp lí của vùng đặc quyền kinh tế.</p> <p>thấy được mối quan hệ giữa vùng tiếp giáp lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế.</p> <p><b>5B4.</b> Phân tích được quy chế pháp lí của thềm lục địa; thấy được sự khác biệt về tính chất và nội dung quyền chủ quyền của quốc gia trong vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.</p> <p><b>5B5.</b> Phân tích được quy chế pháp lí của các vùng lãnh thổ quốc tế.</p>	<p><b>5C1.</b> Đánh giá được ưu điểm và nhược điểm của hai phương pháp xác định đường cơ sở.</p> <p><b>5C2.</b> Bình luận được cách xác định đường cơ sở của Việt Nam.</p> <p><b>5C3</b> Đưa ra được quan điểm cá nhân về thực tiễn thực hiện quyền chủ quyền trên vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam.</p> <p><b>5C4.</b> Đánh giá được thực tiễn thực hiện quyền chủ quyền trên vùng thềm lục địa của Việt Nam.</p>



	lãnh thổ quốc tế.		
<b>Vấn đề 6:</b> Luật ngoại giao và lãnh sự	<p><b>6A1.</b> Nêu được định nghĩa, nguồn, nguyên tắc của luật ngoại giao và lãnh sự.</p> <p><b>6A2.</b> Nêu được định nghĩa, chức năng, thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao.</p> <p><b>6A3.</b> Nêu được định nghĩa, chức năng, thành viên của cơ quan lãnh sự và lãnh sự danh dự.</p> <p><b>6A4.</b> Trình bày được định nghĩa, bản chất và cơ sở của quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao, lãnh sự.</p>	<p><b>6B1.</b> Phân biệt được quan hệ ngoại giao và quan hệ lãnh sự.</p> <p><b>6B2.</b> Phân tích được chức năng và hoạt động của cơ quan đại diện ngoại giao và viên chức ngoại giao.</p> <p><b>6B3.</b> Xác định được tính độc lập cũng như mối quan hệ giữa cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan lãnh sự.</p> <p><b>6B4.</b> Phân tích được nội dung của quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao lãnh sự; So sánh quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao và quyền ưu đãi miễn trừ lãnh sự.</p>	<p><b>6C1.</b> Bình luận được vai trò của luật ngoại giao, lãnh sự trong hệ thống pháp luật quốc tế.</p> <p><b>6C2.</b> Đánh giá được vai trò của cơ quan lãnh sự trong mối quan hệ giữa các quốc gia trong thời kì hội nhập.</p> <p><b>6C3.</b> Đưa ra được quan điểm cá nhân về quyền ưu đãi, miễn trừ dành cho viên chức ngoại giao, lãnh sự.</p>

#### 4. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY

##### 4.1. Lịch trình chung

Số Tiết	VD	Hình thức tổ chức dạy-học			
		Lí thuyết	Seminar	LVN	Tự học
30	06 vấn đề	13		12	5

## 4.2. Lịch trình cụ thể

Thời lượng	Nội dung giảng dạy	Hoạt động của giảng viên	Hoạt động của sinh viên
Tiết 1-4	<p><b>Chương 1. Lý luận chung về luật quốc tế</b></p> <p>1.1. Khái niệm luật quốc tế</p> <p>1.1.1. Định nghĩa luật quốc tế</p> <p>1.1.2. Quy phạm pháp luật quốc tế</p> <p>1.2. Đặc trưng của luật quốc tế</p> <p>1.3. Lịch sử phát triển của luật quốc tế</p> <p>1.4. Quan hệ giữa luật quốc tế và luật quốc gia</p> <p>1.5. Một số nguyên tắc cơ bản của luật quốc tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV sinh hoạt chung về môn học, và giao bài tập cho nhóm làm báo cáo.</li> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> <li>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</li> <li>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sv lắng nghe và nhận bài tập từ GV.</li> <li>- SV nghe giảng, ghi chép.</li> <li>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</li> </ul>
Tiết 5-8	<p><b>Chương 2: Nguồn của luật quốc tế</b></p> <p>2.1. Lý luận chung về nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.1.1. Khái niệm nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.1.2. Các loại nguồn của luật quốc tế</p> <p>2.2. Điều ước quốc</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</li> <li>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</li> <li>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- SV nghe giảng, ghi chép.</li> <li>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</li> </ul>

	<p>tế</p> <p>2.2.1. Khái niệm điều ước quốc tế</p> <p>2.2.2. Phân loại điều ước quốc tế</p> <p>2.2.3. Quy trình ký kết điều ước quốc tế</p> <p>2.3. Tập quán quốc tế</p> <p>2.3.1. Khái niệm tập quán quốc tế</p> <p>2.3.2. Điều kiện trở thành nguồn luật quốc tế của tập quán quốc tế</p> <p>2.3.3. So sánh điều ước quốc tế với tập quán quốc tế</p> <p>2.4. Các phương tiện bổ trợ nguồn luật quốc tế</p>		
<b>Tiết 9-12</b>	<p><b>Chương 3: Chủ thể của luật quốc tế</b></p> <p>3.1. Khái niệm chủ thể của luật quốc tế</p> <p>3.2. Quốc gia – chủ thể cơ bản của luật quốc tế</p> <p>3.2.1. Các yếu tố cấu thành quốc gia</p> <p>3.2.2. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của quốc gia</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>

	<p>3.2.3. Công nhận quốc tế đối với quốc gia</p> <p>3.2.4. Vấn đề kế thừa quốc gia trong luật quốc tế</p> <p>3.3. Các dân tộc đang đấu tranh giành quyền dân tộc tự quyết</p> <p>3.4. Tổ chức quốc tế liên chính phủ</p>		
<b>Tiết 13-17</b>	<p><b>Chương 4: Lãnh thổ và biên giới quốc gia</b></p> <p>4.1. Những vấn đề pháp lý về lãnh thổ quốc gia</p> <p>4.1.1. Khái niệm về lãnh thổ</p> <p>4.1.2. Phân loại lãnh thổ trong luật quốc tế</p> <p>4.1.3. Chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ</p> <p>4.1.4. Thay đổi và xác lập chủ quyền quốc gia đối với lãnh thổ</p> <p>4.2. Những vấn đề pháp lý cơ bản về biên giới quốc gia</p> <p>4.2.1. Khái niệm, các bộ phận cấu</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- GV đặt câu hỏi, nêu tình huống;</p> <p>- GV hướng dẫn sinh viên thảo luận, trả lời câu hỏi, giải quyết tình huống.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV nghiên cứu trả lời câu hỏi, thảo luận và đưa ra phương án giải quyết tình huống.</p>

	<p>thành và kiểu biên giới quốc gia</p> <p>4.2.2. Hoạch định biên giới quốc gia</p> <p>4.3.3. Quy chế pháp lý của biên giới quốc gia</p>		
<b>Tiết 18-23</b>	<p><b>Chương 5: Luật biển quốc tế</b></p> <p>5.1. Khái quát về luật biển quốc tế</p> <p>5.1.1. Khái niệm luật biển quốc tế</p> <p>5.1.2. Nguồn của luật biển quốc tế</p> <p>5.1.3. Các nguyên tắc của luật biển quốc tế</p> <p>5.2. Các vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia</p> <p>5.2.1. Nội thủy</p> <p>5.2.2. Lãnh hải</p> <p>5.3. Các vùng biển thuộc quyền chủ quyền và quyền tài phán của quốc gia</p> <p>5.3.1. Vùng tiếp giáp lãnh hải</p> <p>5.3.2. Vùng đặc quyền kinh tế</p> <p>5.3.3. Thềm lục địa</p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p> <p>- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV thuyết trình bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
<b>Tiết 24-28</b>	<p><b>Chương 6: Luật ngoại giao và lãnh sự</b></p>	<p>- GV diễn giảng các kiến thức lý thuyết.</p>	<p>- SV nghe giảng, ghi chép.</p> <p>- SV thuyết trình</p>

	<p>6.1. Khái quát về luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.2. Nguồn của luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.1.3. Các nguyên tắc của luật ngoại giao và lãnh sự</p> <p>6.2. Cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.1. Khái niệm và phân loại cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.2. Cấp, hàm và chức vụ ngoại giao</p> <p>6.2.3. Thành viên của cơ quan đại diện ngoại giao</p> <p>6.2.4. Quyền ưu đãi, miễn trừ ngoại giao</p> <p>6.3. Cơ quan lãnh sự</p> <p>6.3.1. Khái niệm và chức năng của cơ quan lãnh sự</p> <p>6.3.2. Cấp của cơ quan lãnh sự và người đứng đầu cơ quan lãnh sự</p>	<p>- Tổ chức, điều khiển các nhóm báo cáo, đặt câu hỏi, điều khiển các nhóm tranh luận, phản biện.</p>	<p>bài báo cáo nhóm, trả lời các câu hỏi của GV và các nhóm khác.</p>
--	---	--	---

	6.3.3. Cơ cấu tổ chức và thành viên của cơ quan lãnh sự 6.3.4. Quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự		
<b>Tiết 29-30</b>	<b>Ôn tập kết thúc môn</b>	Tóm lược các nội dung cơ bản, giải đáp thắc mắc của sinh viên	Lắng nghe; đặt các câu hỏi còn thắc mắc.

## 5. ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Sinh viên vắng một tiết học bị trừ một điểm.	10
2	Thường xuyên	15	- Sinh viên làm 01 bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Đúng nội dung đáp án: 7.0 điểm + Trình bày rõ ràng, súc tích: 1.0 điểm + Lập luận khoa học, logic: 2.0 điểm <b>Tổng: 10 điểm</b>	10
		15	- Sinh viên làm 01 bài báo cáo nhóm - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo. + Xác định vấn đề rõ ràng, hợp lý, khả thi: 2.0 điểm	10

			+ Phân tích logic, sâu sắc, có liên hệ thực tế: 4.0 điểm + Chuẩn bị chu đáo, cẩn thận: 1.0 điểm + Trả lời chính xác các câu hỏi trong buổi báo cáo: 1.0 điểm + Trình bày báo cáo rõ ràng, lôi cuốn: 1.0 điểm + Hình thức sáng tạo: 1.0 điểm Tổng: 10 điểm	
3	<b>Thi kết thúc HP</b>	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thi tự luận (thời gian 60 phút) + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của đề thi.	10

## 6. HỌC LIỆU

### A. TÀI LIỆU THAM KHẢO BẮT BUỘC

1. Lê Mai Anh (2015), Giáo trình Luật quốc tế, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;

### B. TÀI LIỆU THAM KHẢO KHÔNG BẮT BUỘC

1. Trường Đại học Luật TP.HCM (2015), Giáo trình Công pháp quốc tế, Nxb. Hồng Đức – Hội luật gia Việt Nam;
2. Công ước Viên năm 1961 về quan hệ Ngoại giao;
3. Công ước Viên năm 1963 về quan hệ Lãnh sự;
4. Luật biển Việt Nam năm 2012;
5. Luật điều ước quốc tế năm 2016.

*Cần Thơ, ngày      tháng      năm*

**HIỆU TRƯỞNG**

**TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**